

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HS-ST

Ngày: 17-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Thăng.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên toà: Bà Trần Minh Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2018/HS-ST ngày 08-6-2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị Thanh T (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Dân tộc: Mường; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 6/12; con ông: Phạm Đức C, sinh năm 1954 (đã chết); con bà: Lê Thị N, sinh năm 1959; có một người con, sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/3/2018 đến nay (có mặt).

2. Phạm Đức T1 (tên gọi khác: Điều H), sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Dân tộc: Mường; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá: 10/12; con ông: Phạm Đức C, sinh năm 1954 (đã chết); con bà: Lê Thị N, sinh năm 1959; Vợ: Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1992; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/3/2018 đến ngày 23/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. (có mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1959.

HKTT: Ấp 2, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 3, thôn 3, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị N, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông K, bà N có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 29/12/2017, Phạm Đức T1 điều khiển xe mô tô Yamaha hiệu Exciter màu trắng đỏ biển số 72F1-40946 chở chị gái tên Phạm Thị Thanh T đi từ xã B đến thôn 3, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để hái lá khô qua rừng. T phát hiện nhà của ông Nguyễn Văn K cách chỗ T đứng 30m có chuồng dê mà không có người trông coi nên T nói với T1 “ê cu, tao thấy nhà trong đó không có người, mày coi vô bắt một hai con dê đem về làm thịt ăn tết, chứ tết này nhà không có gì ăn”, T1 đồng ý. T1 điều khiển xe chở T đi đến gần chuồng dê, T đứng ngoài trông xe và cảnh giới, T1 đi vào chuồng dê bắt 01 con dê đực màu trắng nặng khoảng 30kg rồi ôm ra cho T, T1 nhặt 01 bao tải gần đó banh miệng bao để T bỏ dê vào. T1 tiếp tục vào chuồng dê bắt thêm 01 con dê đực màu đen nặng khoảng 27kg đem ra, T1 lấy 01 cái bao khác bỏ dê vào. Cả hai đem 02 con dê lên xe và chạy về nhà làm thịt. Sau khi gây án, T và T1 đã bỏ nhà đi khỏi địa phương. Ngày 13/3/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã khởi tố bị can đối với Phạm Đức T1. Ngày 26/3/2018, Phạm Thị Thanh T đến Công an huyện Châu Đức đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như vừa nêu trên.

Tại Biên bản định giá và kết luận giá trị tài sản trộm cắp số 45B/HĐĐG, ngày 11/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Đức kết luận: 01 con dê đực màu trắng, trọng lượng khoảng 30kg có giá trị là 2.325.000 đồng; 01 con dê đực màu đen, trọng lượng khoảng 27kg có giá trị là 2.092.500 đồng; Tổng giá trị tài sản thiệt hại 02 con dê là 4.417.500 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 08-6-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Phạm Thị Thanh T và Phạm Đức T1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Phạm Thị Thanh T và Phạm Đức T1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt T1 mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù; xử phạt T mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Theo đại diện Viện Kiểm sát phần dân sự bị hại ông Nguyễn Văn K đã nhận số tiền 5.000.000đ và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nữa nên phần trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong; Về vật chứng cần trả lại chiếc xe mô tô Yamaha hiệu Exciter màu trắng đỏ biển số 72F1-40946 (SM: G3D4E159369; SK: 0610GY246465) và giấy đăng ký xe cho bà N. Bị cáo T, T1 xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo, các bị cáo Phạm Thị Thanh T và Phạm Đức T1 thừa nhận thực hiện hành vi như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 29/12/2017, tại nhà ông Nguyễn Văn K (thuộc tổ 3, thôn 3, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), Phạm Đức T1 và Phạm Thị Thanh T đã có hành vi lén lút trộm cắp được 01 con dê đực màu trắng, trọng lượng 30kg có giá trị là 2.325.000 đồng; 01 con dê đực màu đen, trọng lượng 27kg có giá trị là 2.092.500 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.417.500 đồng.

[3] Hành vi mà các bị cáo T, T1 thực hiện phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy quan điểm luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo là có căn cứ. Do đó đã đủ cơ sở kết luận hành vi của Phạm Thị Thanh T và Phạm Đức T1 phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ điểm h, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, thấy rằng: Tại khoản 4 Điều 138 BLHS năm 1999 có mức hình phạt tù từ 12 năm đến tù chung thân còn tại khoản 4 Điều 173 BLHS năm 2015 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Như vậy, khoản 4 Điều 173 BLHS năm 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn so với quy định tại 4 Điều 138 BLHS năm 1999. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt đối với Phạm Thị Thanh T và Phạm Đức T1.

Như vậy đã đủ cơ sở kết luận hành vi của Phạm Thị Thanh T và Phạm Đức T1 phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Các bị cáo Phạm Thị Thanh T và Phạm Đức T1 là những công dân đã trưởng thành phải sống đúng theo quy định của pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi, coi thường pháp luật nên các bị cáo đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không chỉ xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn làm mất trật tự trị an địa phương. Sự cần thiết phải xử phạt bị cáo nghiêm, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với các bị cáo để quyết định cho mỗi bị cáo một hình phạt phù hợp.

[5] Bị cáo T cùng với T1 cùng cố ý thực hiện tội phạm, nhưng trước khi thực hiện tội phạm các bị cáo không có sự phân công từ trước, không có người chỉ huy phục tùng, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người đồng phạm, nên là đồng phạm giản đơn, trong đó cả hai bị cáo đều là người thực hành. T là người khởi xướng nói T1 vào bắt dê về làm thịt ăn tết, T1 trực tiếp vào chuồng bắt 02 con dê; Sau khi bắt trộm dê thì cả T và T1 đi khỏi địa phương, sau đó T1 về thì

công an mời T1 lên làm việc, T tự đến công an khai báo; Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn; Đã bồi thường cho bị hại; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa T, T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Cha của hai bị cáo là người có công được nhà nước tặng Huân chương và Huy chương; T có con còn nhỏ; Bị hại ông K xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Hai bị cáo là người dân tộc Mường.

Xét thấy trước khi thực hiện hành vi phạm tội T, T1 chưa có vi phạm gì; T, T1 có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Thấy không cần thiết phải cách ly T, T1 khỏi xã hội mà giao T, T1 cho chính quyền địa phương và gia đình quản lý, giáo dục cũng đáp ứng được yêu cầu đấu tranh giáo dục phòng ngừa chung. Do đó cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để cho T, T1 được hưởng án treo và ấn định cho T, T1 một thời gian thử thách phù hợp.

Như vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với T, T1.

[6] Về vật chứng của vụ án:

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, biển số xe 72F1 409.46 mang tên Phạm Thị Thanh T kèm theo hồ sơ vụ án; 01 xe mô tô Yamaha hiệu Exciter màu trắng đỏ biển số 72F1-40946 (SM: G3D4E159369; SK: 0610GY246465) mà T1 và T dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Qua điều tra xác định xe 72F1-40946 do bà Lê Thị N đưa tiền cho T đi mua, nhưng do bà N lớn tuổi nên để cho T đứng tên chủ sở hữu xe. Hiện xe trên được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức quản lý. Như vậy cần trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe và xe này cho bà N.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Nguyễn Văn K đã nhận số tiền 5.000.000đ và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nữa nên phần trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo T, T1 nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị Thanh T (Đ) và Phạm Đức T1 (Điều H) đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Phạm Thị Thanh T 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười) tháng kể từ ngày tuyên án (17/7/2018).

Xử phạt Phạm Đức T1 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười) tháng kể từ ngày tuyên án (17/7/2018).

Giao Phạm Thị Thanh T và Phạm Đức T1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nơi T, T1 cư trú để quản lý, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử lý vật chứng:

Trả lại cho bà Lê Thị N 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, biển số xe 72F1 409.46 mang tên Phạm Thị Thanh T (kèm theo hồ sơ vụ án); 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, loại xe hai bánh màu trắng - đỏ, biển số 72F1-40946 (Số máy: G3D4E159369; Số khung: RLCUG0610GY246465) đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/6/2018.

Án phí: Mỗi bị cáo T, T1 nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17-7-2018) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- Phòng PV 27 (CA tỉnh BR - VT);
- Sở tư pháp tỉnh BR - VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- CA huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan